

Bản án số: 123/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-12-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Vương

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Kim, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã N, huyện Thới Bình, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1988 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2021, chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị D và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/11/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm, anh chị đã ly thân từ đầu tháng 6/2020 cho đến nay. Vì vậy, chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị D và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Phi Gia B, sinh ngày 07/10/2014. Hiện cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dạy cháu B, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị D có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2021, anh Nguyễn Phi H trình bày:*

Anh H và chị D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/11/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị đã ly thân từ đầu tháng 6/2020 cho đến nay. Vì vậy, anh thống nhất ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 người con chung tên Nguyễn Phi Gia B, sinh ngày 07/10/2014. Hiện cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn anh thống nhất để chị D nuôi dạy cháu B, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời vì tình hình dịch bệnh và bận công việc gia đình nên anh xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị D và anh H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung là cháu B hiện chị D nuôi dạy, anh H đồng ý cho chị D nuôi dạy cháu nên cần giao cháu B cho chị D tiếp tục nuôi dạy. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phi H. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh H có địa chỉ tại ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh H đều có yêu cầu vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Phi H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/11/2012. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị D yêu cầu ly hôn với anh H. Xét thấy, yêu cầu của chị D là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Anh H cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị D. Việc anh chị phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân là phù hợp với biên bản lấy lời khai của người làm chứng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Phi H được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Phi Gia B, sinh ngày 07/10/2014 (giới tính nam). Xét thấy, việc chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu B là có căn cứ. Bởi vì, cháu B đang do chị D nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặc khác, anh H cũng thống nhất cho chị D nuôi dạy cháu B. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu B cho chị D nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D, anh H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh H xác định anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Phi H.
2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Phi H được ly hôn.
3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phi Gia B, sinh ngày 07/10/2014 (giới tính nam) cho chị D tiếp tục nuôi dạy. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 26 tháng 10 năm 2021 chị D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0014554 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm